

**ĐƠN YÊU CẦU
ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ
ĐỐI VỚI MẶT HÀNG KÍNH NỒI**

BẢN LƯU HÀNH CÔNG KHAI

Hà nội, tháng 5 năm 2009

PHẦN A – THÔNG TIN CHUNG

A1. Tên các nguyên đơn và tổ chức đại diện nộp đơn:

A1. Tên tổ chức đại diện nộp đơn:

Tổng công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (VIGLACERA)

- Địa chỉ: Tầng 16-17, Tòa nhà VIGLACERA, số 1 đường Láng – Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại : (04)3553 6665
- Fax : (04)3553 6671

VIGLACERA là đại diện theo ủy quyền của 02 công ty sau đây:

A1.1 Tên công ty: Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)

- Địa chỉ : Xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại : 0241. 3863701
- Fax : 0241. 3863711
- Website : www.vfg.vn

A1.1.2 Tên công ty: Công ty Kính nổi Viglacera (VIFG)

- Địa chỉ: Khu sản xuất Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 0650. 3740902
- Fax : 0650. 3740901
- E-mail : mail@vifg.com.vn
- Website : www.vifg.com.vn
-

A2. Tên các nhà sản xuất khác thuộc ngành sản xuất hàng hoá trong nước:

Tên Công ty: Công ty TNHH Công nghiệp Kính Việt Nam (VGI):

- Địa chỉ: KCN Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại: (064) 393 2101
- Fax: (064) 393 1637

Công ty TNHH Công nghiệp kính Việt Nam (VGI) ủng hộ đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của các nguyên đơn,

A3. Tư cách khởi kiện của ngành sản xuất trong nước:

Ngành sản xuất trong nước bao gồm 3 công ty:

- Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam (VFG)
- Công ty Kính nổi Viglacera (VIFG)
- Công ty TNHH Công nghiệp Kính Việt Nam (VGI)

Thị phần của các công ty và ngành sản xuất trong nước như dưới đây:

Tư cách khởi kiện của ngành sản xuất trong nước (Tổng sản lượng của các công ty sản xuất kính nổi trong nước trong vòng 12 tháng trước khi nộp Hồ sơ)			
Nhà sản xuất	Đóng sản xuất trong nước	Đóng sản xuất nước ngoài	Đóng sản xuất nước ngoài
1. Công ty Kính nổi Viglacera	36.57 %		
2. Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	53,54 %		
Các nhà sản xuất khác:			
1. Công ty TNHH Công nghiệp kính Việt Nam	9.89 %		
Tổng thị phần của ngành sản xuất trong nước	100 %	0 %	0 %

(Bảng số liệu này đã được mã hóa theo Index 100)

PHẦN B – HÀNG HÓA

B1. Hàng hóa nhập khẩu

Hàng hoá nhập khẩu là mặt hàng kính nổi với các thông tin như dưới đây:

(a) Mô tả chi tiết:

- Tên khoa học: Kính nổi (Float Glass)
- Tên thông thường: (Kiếng) kính tấm, kính xây dựng, kính trong, kính trắng, kính màu trà, kính màu xanh đen, kính màu xanh lá, kính màu xanh biển.
- Tên thương mại: Kính nổi

(b) Ứng dụng/Công dụng

- Trong kiến trúc, xây dựng
- Gia công các đồ dùng bằng kính
- Các sản phẩm ứng dụng đặc thù

(c) Đặc tính kỹ thuật

- Kính nổi có độ dày nhỏ hơn 7mm: góc biến dạng quang học tối thiểu 40 độ, độ cong vênh tối đa 0,3%, độ truyền ánh sáng mặt trời từ 81-88% (không màu), 54% (màu trà) và 43% (màu xanh đen)

- Kính nổi có độ dày lớn hơn 7mm: góc biến dạng quang học tối thiểu 50 độ, độ cong vênh tối đa 0,3%, độ truyền ánh sáng mặt trời từ 71-78% (không màu), từ 33-39% (màu trà)

(d) Các đối tượng sử dụng:

- Các nhà thầu xây dựng, các nhà gia công lắp đặt cửa kính, vách kính
- Các nhà gia công sản phẩm sau kính: gương, kính tô, kính dán, kính cách âm, cách nhiệt...
- Các nhà sản xuất kính nghệ thuật, kính kiến trúc.
- Các nhà sản xuất trang thiết bị nội thất, thiết bị điện tử - quang học.

(e) Phân loại hải quan:

Bảng B1.1

Hàng hóa nhập khẩu (METS)	Mô tả	Đơn vị	Mức thuế ưu đãi
7005 29 90 00	Kính nổi không màu, không có cốt thép	m ²	5% ASEAN 40% ưu đãi 60% thông thường
7005 21 90 00	Kính nổi có màu, không có cốt thép	m ²	5% ASEAN 40% ưu đãi 60% thông thường

B2. Hàng hóa sản xuất trong nước: Kính nổi

(a) Mô tả chi tiết:

- Tên khoa học: Kính nổi (Float Glass)
- Tên thông thường: (Kiếng) kính tấm, kính xây dựng, kính trong, kính trắng, kính màu trà, kính màu xanh đen, kính màu xanh lá, kính màu xanh biển.
- Tên thương mại: Kính nổi

(b) Ứng dụng/Công dụng:

- Trong kiến trúc, xây dựng
- Gia công các đồ dùng bằng kính
- Các sản phẩm ứng dụng đặc thù

(c) Đặc tính kỹ thuật

- Kính nổi có độ dày nhỏ hơn 7mm: góc biến dạng quang học tối thiểu 40 độ, độ cong vênh tối đa 0,3%, độ truyền ánh sáng mặt trời từ 81-88% (không màu), 54% (màu trà) và 43% (màu xanh đen)

- Kính nổi có độ dày lớn hơn 7mm: góc biến dạng quang học tối thiểu 50 độ, độ cong vênh tối đa 0,3%, độ truyền ánh sáng mặt trời từ 71-78% (không màu), từ 33-39% (màu trà)

(d) Các đối tượng sử dụng:

- Các nhà thầu xây dựng, các nhà gia công lắp đặt cửa kính, vách kính
- Các nhà gia công sản phẩm sau kính: gương, kính tô, kính dán, kính cách âm, cách nhiệt...

- Các nhà sản xuất kính nghệ thuật, kính kiến trúc.
 - Các nhà sản xuất trang thiết bị nội thất, thiết bị điện tử - quang học.
- (e) Các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng: TCVN 7218:2002, TCVN 7529:2005

PHẦN C: CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC

C1. Các nhà sản xuất hàng hóa xuất khẩu vào Việt Nam:

Theo số liệu do Công ty tự thu thập, có khoảng 6 nhà sản xuất mặt hàng như được mô tả trong mục B1 xuất khẩu vào Việt Nam. Chúng tôi xin liệt kê một số nhà sản xuất tiêu biểu đối với mặt hàng này như sau:

(1). MALAYSIAN SHEET GLASS BERHARD

Địa chỉ: 21 Km Sungei Buloh
47000 Selangor Darul Ehsan Malaysia
Điện thoại: +60 3 6156 5011 Fax: +60 3 6157 2557

(2). ASAHI GLASS PHILIPPINES, INC

Địa chỉ: Pinagbuhatan, Pasig City, Metro Manila, Philippines
Điện thoại: +(632) 641 1982 to 87 Fax: +(632) 641 1988
Website: <http://www.ragc.com.ph>

(3). THAI ASAHI GLASS PUBLIC CO., LTD.

Địa chỉ: 200 Moo 1 Suksawad Rd. Pakklong Bangplakod ,Phrasamutchedi
Samutprakan 10290, Thailand
Điện thoại: + (662) (425) 8970 , + (662) (815)5000
Fax: + (662) (425) 8816, + (662) (815)5417

(4). Guardian Industries Corp Ltd.

Địa chỉ: 42 Moo 7 Nongplamoh Sub-District
Nongkhae, Saraburi 18140 , Thailand
Điện thoại: 66-36-373-373 Fax : 66-36-373-345

(5). AGC Flat Glass(Thailand) Public Co.,LTD.

Địa chỉ: 200 Moo 1 Suksawad Road,
Phra Samut Chedi, Samut Prakan, Thailand ,10290
Điện thoại: 0-2425-8970,0-2815-5000 Fax 0-2425-8816

(6).PT. ASAHIMAS FLAT GLASS CO., LTD.

Địa chỉ: Jl. Ankol IX/5, Ancol Barat, Jakarta 14430
PO Box 4344 / JAK Indonesia
Điện thoại: +62 (021) 690 4041 (Hunting) Fax: +62 (021) 690 4128

(7) China Luoyang Float Glass Group Co., Ltd.

Địa chỉ: 9 Tanggong Zhonglu, Luoyang, Henan, China
Điện thoại: (86-379) 6390 8575 Fax: (86-379) 6390 8617

(8) Dong xing Jianyue Co. Ltd

C2. Các nhà xuất khẩu vào Việt Nam:

(b1) Asahi Glass Electronics Singapore Pte Ltd (Singapore)

Địa chỉ: 460 Alexandra Road.#30-02 SPA Building, Singapore

Điện thoại: 6273 5656

Fax: 6278 9281

(b2) Guardian Industries Corp. Ltd. (Thailand)

Địa chỉ: 42 Moo 7 Nongplamoh Sub District, Nongkhae, Saraburi 18140

Thái lan

Điện thoại (66-36) 373 373

Fax: (66-36) 373 345

(b3) PT Muliaglass (Indonesia)

Địa chỉ: Jalan Raya Tegal Gede, Cikarang Lemah Abang 17550 Bekasi

Indonesia

Điện thoại: (62-21) 893-5718

Fax: (62-21) 893 7539

(b4) Luoyang Glass Group New era im&ex Co. (Trung Quốc)

Địa chỉ: 9 Tanggong Zhonglu, Luoyang, Henan
China

Điện thoại: (86-379) 6390 8575

Fax: (86-379) 6390 8617

(b5) Ping xiang galee trade Co. Ltd. (Trung Quốc)

(b6) Cty TNHH Kien Viet (Trung Quốc)

C3. Các nhà nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam:

(1) Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Phong.

Địa chỉ: Lô 4 Đường B - KCN Tân Tạo- Q. Bình Tân -TPHCM

Điện thoại: 08 37505 932/38369 930

Fax : 08 37505 907

Email : glass@phuphong.com.vn

Website: www.phuphong.net

(2) Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch vụ Hồng quý

Địa chỉ: Số 5- Ngô Quyền - Phường 6 - Quận 10, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 37513089 - 37513090

Fax: 08 37516661

Email : hongquy@hcmc.netnam.vn

(3) Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại An Đại Hưng

Địa chỉ: 280 Bến Chương Dương - Phường Cầu Kho - Quận 1- TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38367 288

Fax: 08 38377 576

(4) Công ty TNHH Kính Việt Hưng

Nhà máy : Khu công nghiệp Như Quỳnh A - Văn Lâm - Hưng Yên

Điện thoại : 0321 3987392

Fax : 0321 3987392 / 3986 324

VP tại Hà nội: 140 đường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: 04 38273 224

Fax: 04 36558633

(5) Công ty TNHH Kỳ Anh.

Địa chỉ: 146 Hoàng Quốc Việt- Kiến An- Hải Phòng

Điện thoại: 031 3591 044 Fax: 031 3591046

VP tại Hà Nội: 331 Trường Chinh - Thanh Xuân - Hà Nội.

Điện thoại: 04 38534 072 Fax: 04 38536 662

Email : kyanhglass@hn.vnn.vn

Địa chỉ: Km 15 + 300 Liên Ninh - Thanh Trì - Hà nội

Điện thoại:

04.36890198

Fax: 04.36863184

(6) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Anh 1.

Địa chỉ:

F8- Khu phố 4- Phường Tân Hiệp- Biên Hoà- Đồng Nai.

Điện thoại:

0613 892 744/ 811 099

Fax:

0613 857 906/399206

Email :

ngocanh1@hcm.vnn.vn

PHẦN D – THIẾT HẠI NGHIÊM TRỌNG

D1. Hàng hóa nhập khẩu

D1.1. Số liệu nhập khẩu năm 2007, 2008 và quý I/2009:

Số liệu hàng hóa là kính nổi được nhập khẩu thể hiện trong bảng dưới đây

Bảng D1.1.1

	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009 (I/1-1/2)
Lượng	m2 QTC	1,438,747	1,235,199	8,132,000	1,350,302

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

D1.2. Số liệu nhập khẩu hàng tháng từ tháng 9/2007 đến nay:

Lượng nhập khẩu hàng hóa là kính nổi, kính tối và kính phản quang được thể hiện trong bảng dưới đây

Bảng D1.2

Thời gian	Lượng	Giá trị
	m2 QTC	USD
Tháng 9/2007	1,105,371	1,433,995
Tháng 10/2007	925,000	1,200,000
Tháng 11/2007	1,084,523	1,436,260
Tháng 12/2007	2,218,984	2,997,847
Tháng 1/2008	1,564,554	2,292,072
Tháng 2/2008	437,132	688,045
Tháng 3/2008	1,998,052	3,158,920
Tháng 4/2008	1,828,809	2,718,500
Tháng 5/2008	1,710,009	2,541,905

Tháng 6/2008	1,997,370	2,969,063
Tháng 7/2008	1,706,124	2,536,130
Tháng 8/2008	1,739,673	2,586,000
Tháng 9/2008	2,018,737	3,000,825
Tháng 10/2008	2,796,237	4,156,568
Tháng 11/2008	4,501,119	6,690,852
Tháng 12/2008	2,638,850	3,922,615
Tháng 1/2009	1,574,934	2,030,090
Tháng 2/2009	2,475,972	3,191,528
Tháng 3/2009 (ước tính)	3,000,000	3,867,000

(Nguồn: do Công ty thu thập và tính toán)

D1.3. Hàng hóa do công ty nhập khẩu: Không có

D2. Những tác động tới giá ở Việt Nam:

D2.1. Chênh lệch giá thực tế:

So sánh giá bán của hàng hoá nhập khẩu và hàng hóa tương tự do Công ty sản xuất

Bảng D2.1

Mặt hàng	Năm 2008	Năm 2009
Đơn giá bán của công ty (VND/m ² QTC) giao tại nhà máy	100	130.78
- Giá bán hàng hóa nhập khẩu từ Thái Lan tại thị trường trong nước	134.31	109.97
-Chênh lệch giữa giá bán hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước tính trên VND/m ²	-34.31 -34.31%	20.81 15.91%
- Chênh lệch %		
- Giá bán hàng hóa nhập khẩu từ Indonesia tại thị trường trong nước	112.64	107.23
-Chênh lệch giữa giá bán hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước tính trên VND/m ²	-12.64 -12,64%	23.55 18.01%
- Chênh lệch %		
	<i>T1-T3'08</i>	<i>T1-T2'09</i>

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

D2.2. Kim giá và ép giá:

Bảng D2.2.1

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Đơn giá bán	VND/ m ² QTC	100	101.37	112.91	148.67
Tổng chi phí (bao gồm cả chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí quản lý)	VND/ m ² QTC	98.51	93.35	102.66	142.22
Giá bán tại xưởng	VND/ m ² QTC	97.20	89.20	102.29	140.16
Tỉ lệ phần trăm tổng chi phí trên giá bán tại xưởng	%	101%	105%	100%	101%

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

Bảng D2.2.2

Thời gian	Tổng chi phí (giá thành toàn bộ)	Giá bán tại xưởng	Tổng chi phí/giá bán tại xưởng
	VND/m ² QTC	VND/m ² QTC	%
Tháng 10/ 07	86	100	86%
Tháng 11/ 07	82.26	104.79	79%
Tháng 12/ 07	86.77	91.03	95%
Tháng 01/ 08	94.84	116.75	81%
Tháng 02/ 08	97.15	119.66	81%
Tháng 3/ 08	112.51	96.84	116%
Tháng 4/ 08	102.96	123.61	83%
Tháng 5/ 08	101.43	113.93	89%
Tháng 6/ 08	112.64	119	95%
Tháng 7/ 08	117.10	128.69	91%
Tháng 8/ 08	127.91	115.37	111%
Tháng 9/ 08	153.27	113.13	135%
Tháng 10/ 08	145.55	147.51	99%
Tháng 11/ 08	149.72	133.51	112%
Tháng 12/ 08	146.32	112.25	130%
Tháng 01/ 09	149.15	137.21	110%
Tháng 02/ 09	143.23	118.44	121%

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

D2.2.3. Các yếu tố khác làm giảm giá bán hàng tại xưởng:

Không có

D3. Bán hàng và thị phần của ngành sản xuất trong nước:

Bảng D3

Khoảng thời gian	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Thị phần của Nguyên đơn	%	96.78	97.45	71.37

Tổng thị phần của ngành sản xuất trong nước	%	96.78	97.45	80.74
Thị phần của hàng hoá nhập khẩu	%	3.22	2.55	19.26
Tổng thị phần	%	100	100	100

D4. Suy giảm lợi nhuận thực tế và tiềm năng:

Bảng D4

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Tổng lợi nhuận ròng của Công ty	Triệu đồng	100	-147.66	249.22	57.78

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

D5. Sự suy giảm thực tế và tiềm năng về sản lượng

Bảng D5

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Tổng sản lượng bán hàng hoá thuộc đối tượng điều tra của công ty	m2 QTC	100	119.87	126.64	84.90

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

D6. Nhân công và năng suất lao động

Bảng D6.

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Số nhân công (tính riêng lĩnh vực sản xuất trực tiếp)	Người	100	95	93	84

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

- Vào nửa cuối năm 2008, công ty VFG đã phải cho người lao động nghỉ một số ngày trong tháng trừ vào nghỉ phép (buộc phải nghỉ phép) để giữ được mức lương hàng tháng. Tuy nhiên, các khoản tiền thưởng đã bị cắt.

- VIFG đã phải giảm trên 50 lao động trong năm 2008. Thu nhập của người lao động đã sụt giảm đáng kể, gây bất ổn về mặt tâm lý cho người lao động.

D7. Sự suy giảm thực tế và tiềm năng trong công suất và công suất sử dụng:

Bảng D7

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Chỉ số 2008
Công suất của toàn ngành SX trong nước	m2QTC	100	100	100	158.82
Sản lượng thực tế của toàn ngành SX trong nước	m2QTC	96	97	101	95.76
Công suất sử dụng của toàn ngành sản xuất trong nước	%	96%	97%	101%	60.29%

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

Hiện tại với công suất này, chúng tôi đã hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu trong nước. Do đó, việc tăng công suất trong bối cảnh thị trường hiện nay chưa phải là điều cần thiết.

D8. Các thông tin khác về thiệt hại:

D8.1. Thiệt hại do gia tăng đáng kể lượng hàng tồn kho:

Bảng D8.1 – Lượng hàng tồn kho

Đơn vị	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Chỉ số 2008
Lượng (m2QTC)	100	85.07	63.58	117.98

(Bảng này đã được mã hóa theo Index 100)

D8.2. Thiệt hại do suy giảm về đầu tư:

- Cả 2 nhà máy VFG và VIFG của chúng tôi đều đến kỳ phải đầu tư sửa chữa nguội (sửa chữa lớn) vào năm 2009. Do tình hình tiêu thụ sản phẩm khó khăn, tồn kho lớn nên không đủ dòng tiền hoạt động và chúng tôi đã buộc phải trì hoãn kế hoạch đầu tư sửa chữa nâng cấp nhà máy nêu trên.
- Năm 2008, đó chúng tôi có dự kiến đầu tư nâng công suất nhà máy VIFG từ 350 tấn/ngày lên 420 tấn/ngày với tổng chi phí khoảng 15 triệu USD. Tuy nhiên, kế hoạch này đã bị hủy bỏ do dự báo tình hình nhập khẩu kính có thể sẽ ngày càng tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng vận hành và thu hồi vốn của dự án.

D8.3. Các thiệt hại khác:

- Mức tồn kho cao, phải xếp kính ở bên ngoài nhà kho (không có mái che) và phải thuê thêm diện tích cho việc lưu kho thành phẩm.
- Phải đập kính thành phẩm để đưa vào nấu lại, làm cho chi phí sản xuất của mỗi đơn vị thành phẩm tăng lên.
- Thiệt hại cho các nhà phân phối, bán buôn, gia công, lắp đặt, các nhà thầu xây dựng... và làm thị trường mất ổn định.
- Hoạt động kinh doanh của nhiều nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào bị ảnh hưởng.

PHẦN E – QUAN HỆ NHÂN QUẢ

- Số lượng kính nhập khẩu đã tăng đột biến trong thời gian ngắn. Trong năm 2007 khoảng 13 triệu m² QTC; đến năm 2008, gần 25 triệu m² QTC và trong quý I năm 2009 cũng đã đạt con số ước tính khoảng 7 triệu m²QTC.
- Các nhà sản xuất nội địa, đã và đang phải chịu thua lỗ nghiêm trọng do việc sụt giảm lượng hàng bán và giá cả.
- Từ giữa năm 2008, để có thể cạnh tranh được với hàng nhập khẩu, chúng tôi đã liên tục phải giảm giá bán (xem bảng D 2.2.1 và D2.2.2) mặc dù chi phí sản xuất tăng lên. Hơn nữa do sức ép của khối lượng lớn kính nhập khẩu, chúng tôi đã phải điều chỉnh sản lượng sản xuất xuống còn 50% công suất thiết kế giữ cho lượng tồn kho không tăng lên thêm nữa.
- Mặc dù giảm công suất sản xuất, lượng tồn kho của công ty vẫn không ngừng tăng lên, trong khi cố gắng duy trì và cải thiện các điều kiện thanh toán, điều kiện giao hàng nhưng tình hình vẫn không tiến triển.

PHẦN G – KẾT LUẬN

Hiện nay, ngành sản xuất kính xây dựng trong nước hoàn toàn có thể đáp ứng đủ mọi nhu cầu trong nước về kính xây dựng và kính kiến trúc với đầy đủ chất lượng, chủng loại, độ dày, kích thước và màu sắc. Tuy nhiên, qua các số liệu và phân tích ở các phần trên, có thể đi đến kết luận:

- Sản phẩm kính nổi (có màu và không màu) dùng trong xây dựng và kiến trúc được nhập khẩu vào Việt Nam trong thời gian qua với số lượng gia tăng đột biến, đặc biệt là giai đoạn cuối năm 2008 đầu năm 2009, đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất kính xây dựng trong nước, trực tiếp dẫn đến những đình đốn về sản xuất do không tiêu thụ được sản phẩm, suy giảm công suất và hiệu quả hoạt động, tăng tồn kho đến mức nguy hiểm.
- Nếu Nhà nước không có biện pháp bảo hộ kịp thời thì ngành sản xuất kính trong nước sẽ mất dần thị phần, buộc phải tiếp tục cắt giảm công suất, đóng cửa nhà máy, sa thải hàng nghìn công nhân và đang đứng trên bờ vực phá sản hàng loạt. Bên cạnh đó, với đặc thù là công nghệ sản xuất 24/24 giờ liên tục trong một chu kỳ 10-12 năm, khi muốn khởi động lại phải tốn kém hàng chục triệu USD, gây thiệt hại rất lớn cho các nhà sản xuất trong nước và lãng phí chung cho toàn xã hội.

Với những lý do trên, công ty khẩn thiết đề nghị Bộ Công Thương áp dụng các biện pháp tự vệ theo quy định của pháp luật. Cụ thể, đối với mặt hàng kính nổi nhập khẩu từ nước ngoài, chúng tôi kiến nghị:

1. Áp thuế tuyệt đối đối với tất cả các loại sản phẩm kính nổi nhập khẩu với mức 0,6 USD/m²QTC trong thời gian 04 năm.
2. Trong khi chờ đợi cơ quan điều tra có kết luận cuối cùng, đề nghị áp dụng ngay các biện pháp tạm thời là: Áp dụng một mức thuế nhập khẩu chung là 40% cho tất cả các sản phẩm kính nổi nhập khẩu, không phân biệt nước xuất khẩu (tương đương mức thuế quan thông thường đang áp dụng) trong thời gian 200 ngày./.

CAM KẾT

Chúng tôi đảm bảo rằng thông tin cung cấp trong Hồ sơ là chính xác, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của những thông tin đã nêu.

Đại diện ngành sản xuất trong nước ✓



25/5/2009

Ngày

Nguyễn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Tổng công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng